CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯỢNG HOÀNG

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Khái quát

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 96/UBCK – GP ngày 21 tháng 08 năm 2008, giấy phép điều chỉnh số 173/UBCK-GP ngày 26/11/2008 và số 287/UBCK-GP ngày 09 tháng 12 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký thuế số 0102973463 do Cục thuế Tp.Hà Nội cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại P224-202-006, 27 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Bà Lê Thị Mai Linh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Phó chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang	Ủy Viên	Đến 10/04/2010
Ông Nguyễn Cẩm Trung	Thành viên	Từ 10/04/2010

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Quang	Tổng Giám Đốc	Đến 10/04/2010
Ông Nguyễn Cẩm Trung	Tổng Giám đốc	Từ 10/04/2010
Ông Luyện Ngọc Sơn	Phó tổng Giám đốc	Từ 12/07/2010

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Trung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2011

AASCN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)
29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

Số: 145/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2010
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng được lập ngày 15/01/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các hướng dẫn kế toán áp dụng tại công ty chứng khoán, các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc

Cao Thị Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 0613/KTV

Kiểm toán viên

Nguyễn Minh Tiến
Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		**453.362.282.627**	**39.100.612.730**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	**16.176.847.256**	**8.156.141.311**
1. Tiền	111		11.676.847.256	8.156.141.311
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		V.3	**670.000.000**	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.967.500.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.297.500.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.9	**436.027.401.889**	**30.814.972.419**
1. Phải thu khách hàng	131		146.800.128	157.932.167
2. Trả trước cho người bán	132		55.635.717	178.832.300
3. Các khoản phải thu khác	138		435.824.966.044	30.478.207.952
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		**488.033.482**	**129.499.000**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.058.482	13.750.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		483.975.000	115.749.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		**2.934.876.093**	**2.458.603.055**
I. Tài sản cố định	220		**2.405.716.659**	**2.071.229.038**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	1.923.181.431	2.071.229.038
- Nguyên giá	222		2.527.536.978	2.089.952.705
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(604.355.547)	(18.723.667)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	482.535.228	-
- Nguyên giá	228		530.317.800	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(47.782.572)	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		**529.159.434**	**387.374.017**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	398.712.505	256.927.088
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.7	130.446.929	130.446.929
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**456.297.158.720**	**41.559.215.785**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		**420.143.927.274**	**9.299.793.408**
I. Nợ ngắn hạn	310		**420.143.927.274**	**9.299.793.408**
1. Phải trả người bán	312		13.040.000	1.330.609.014
2. Người mua trả tiền trước	313		246.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	893.030.393	15.944.026
4. Phải trả người lao động	315		1.965.992.484	137.976.652
5. Chi phí phải trả	316	V.10	918.971.509	228.246.045
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	V.11	398.101.023.452	680.000.000
7. Phải trả hoạt động chứng khoán	320		18.005.869.436	6.907.017.671
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn khác	333			
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		**36.153.231.446**	**32.259.422.377**
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	**36.153.231.446**	**32.259.422.377**
1. Vốn đầu tư của chủ sỡ hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.153.231.446	(2.740.577.623)
II. Nguồn kinh phí	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**456.297.158.720**	**41.559.215.785**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
6. Chứng khoán lưu ký	006		206.837.100.000	1.187.000.000
Trong đó:	007			
6.1. Chứng khoán giao dịch	008			
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	009			
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	010		206.837.100.000	1.187.000.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	011			
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	012			
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050			
Trong đó:	051			
7.1. Chứng khoán giao dịch	052			
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	053			
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	054			
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	055			
7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	056			

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thúy Hằng	Lê Hồng Hạnh	Nguyễn Cẩm Trung

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu	**01**		**28.548.254.313**	**484.912.941**
Trong đó:				
- Doanh thu môi giới chứng khoán	01.1		4.019.451.622	17.391.948
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		14.131.671.414	419.407.086
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		13.500.000	-
- Doanh thu khác	01.9	VI.1	10.383.631.277	48.113.907
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**			
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	**10**		**28.548.254.313**	**484.912.941**
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	**11**		**13.269.561.168**	-
5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh	**20**		**15.278.693.145**	**484.912.941**
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**25**		10.969.480.594	3.225.490.564
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**4.309.212.551**	**(2.740.577.623)**
8. Thu nhập khác	31		369.000	
9. Chi phí khác	32		31.362.000	
10. Lợi nhuận khác	**40**		**(30.993.000)**	
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**4.278.219.551**	**(2.740.577.623)**
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.I	384.410.482	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**3.893.809.069**	**(2.740.577.623)**
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**			

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thúy Hằng	Lê Hồng Hạnh	Nguyễn Cẩm Trung

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	**4.278.219.551**	**(2.740.577.623)**
2. Điều chỉnh cho các khoản		**1.651.637.390**	**(29.390.240)**
- Khấu hao tài sản cố định	02	633.414.452	18.723.667
- Các khoản dự phòng	03	1.297.500.000	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.521.733.112)	(48.113.907)
- Chi phí lãi vay	06	9.242.456.050	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	**5.929.856.941**	**(2.769.967.863)**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(405.493.088.793)	(31.061.168.348)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	409.671.627.756	9.299.793.408
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(132.093.899)	(270.677.088)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.478.485.961)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	24.125.539	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	**1.521.941.583**	***(24.802.019.891)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(1.055.468.750)	(2.089.952.705)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn	25	(1.967.500.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay	27	9.521.733.112	48.113.907
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	**6.498.764.362**	**(2.041.838.798)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	35.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	**35.000.000.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	**8.020.705.945**	**8.156.141.311**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	**8.156.141.311**	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	**16.176.847.256**	**8.156.141.311**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thúy Hằng	Lê Hồng Hạnh	Nguyễn Cẩm Trung

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2011

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000	-	-			35.000.000.000	35.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	-	(2.740.577.623)		2.740.577.623	3.893.809.069	-	(2.740.577.623)	1.153.231.446

Người lập biểu

Nguyễn Thúy Hằng

Kế toán trưởng

Lê Hồng Hạnh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Trung

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 96/UBCK – GP ngày 21 tháng 08 năm 2008, giấy phép điều chỉnh số 173/UBCK-GP ngày 26/11/2008 và số 287/UBCK-GP ngày 09 tháng 12 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký thuế số 0102973463 do Cục thuế Tp.Hà Nội cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty tại P224-202-006, 27 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính, thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và thông tư 162/2010/TT-BTC hướng dẫn bổ sung, sửa đổi thông tư số số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức: Nhật ký chung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên tắc nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản như sau:

- Thiết bị quản lý	01-05 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	10.910	21.261.209
Tiền gửi ngân hàng	4.311.848.094	1.215.211.753
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	7.364.988.252	6.919.668.349
Tiền gửi có kỳ hạn	4.500.000.000	-
Cộng	**16.176.847.256**	**8.156.141.311**

2. Giá trị giao dịch được thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Của công ty chứng khoán	-	-
b) Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	87.423.300	2.810.694.032.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
Cộng	**87.423.300**	**2.810.694.032.000**

3. Tình hình đầu tư tài chính

	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị sổ sách VND	Giá thị trường VND	Tổng giá trị theo giá thị trường VND
1. Chứng khoán thương mại				
- Ngân hàng TMCP Quân đội	10.000	40.000	17.500	175.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải	41.250	38.000	12.000	495.000.000
Cộng				**670.000.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính : VND

	Thiết bị quản lý
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	2.089.952.705
Số tăng trong năm	525.150.950
Số giảm trong năm	87.566.677
- Giảm khác	*87.566.677*
Số dư cuối năm	**2.527.536.978**
Giá trị hao mòn luỹ kế	
Số dư đầu năm	18.723.667
Khấu hao trong năm	585.631.880
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	**604.355.547**
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	**2.071.229.038**
Tại ngày cuối năm	**1.923.181.431**

5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính : VND

	Phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Số tăng trong năm	530.317.800
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	**530.317.800**
Giá trị hao mòn luỹ kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	47.782.572
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	**47.782.572**
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	-
Tại ngày cuối năm	**482.535.228**

6. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí trả trước chờ phân bổ	121.652.599	256.927.088
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	277.059.906	-
Cộng	**398.712.505**	**256.927.088**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán:

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	-	-
- Tiền lãi phân bổ	10.466.929	10.466.929

8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	318.636.857	10.909.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp	360.284.943	-
Thuế thu nhập cá nhân	214.108.593	5.034.935
Cộng	**893.030.393**	**15.994.026**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ(01/01/2010)			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ (31/12/2010)			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
A	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*
1. Phải thu của khách hàng	157.932.167			16.501.757.055	16.512.889.094	146.800.128			
2. Phải thu khác(*)	30.478.207.952			2.975.617.589.864	2.570.270.831.772	435.824.966.044			
Cộng									

(*) Chi tiết phải thu khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty TNHH Bất động sản Phú Mỹ	180.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư tài chính Phượng Hoàng	25.268.367.952	30.478.207.952
Công ty TNHH TMXD Bất động sản Sơn Hải	4.854.363.193	-
Công ty CP Đầu tư Bắc Hà	115.000.000.000	-
Phải thu các cá nhân khác	110.702.234.899	-
Cộng	**435.824.966.044**	**30.478.207.952**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí lãi vay	763.970.089	-
Chi phí phải trả khác	155.001.420	-
Cộng	**918.971.509**	-

11. Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	398.101.023.452	680.000.000
Cộng	**398.101.023.452**	**680.000.000**

(*) Chi tiết phải trả khác

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	15.000.000.000	-
Công ty Cp Đầu tư Tài chính Phượng Hoàng	680.000.000	680.000.000
Ngân hàng Eximbank	23.079.734.400	-
Ngân hàng INDOVINA - CN Hà Nội	56.799.497.281	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TPHCM	295.000.000.000	-
Các cá nhân khác	7.541.791.771	-
Cộng	**398.101.023.452**	**680.000.000**

12. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
A	1	2	3	4
I - Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-
3. Cổ phiếu quỹ		-	-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-
6. LN sau thuế chưa phân phối	(2.740.577.623)	3.893.809.069	-	1.153.231.446
Tổng cộng	**32.259.422.377**			**36.153.231.446**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.521.733.112	48.113.907
Doanh thu khác	861.898.165	-
Cộng	**10.383.631.277**	**48.113.907**

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.127.243.599	-
Chi phí hoạt động tư vấn	1.088.290.000	-
Chi phí dự phòng	1.297.500.000	-
Chi phí lãi vay	9.242.456.050	-
Chi phí khác	514.071.519	-
Cộng	**13.269.561.168**	**-**

3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**4.278.219.551**	**(2.740.577.623)**
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.740.577.623)	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.740.577.623	-
+ Lỗ năm trước chuyển sang	*2.740.577.623*	
Tổng lợi nhuận tính thuế	1.537.641.928	(2.740.577.623)
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	**384.410.482**	**-**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ gồm:

- Trong năm công ty có mua cổ phiếu bằng việc cấn trừ công nợ phải thu trị giá 1.967.500.000 làm tăng khoản mục chi tiền đầu tư góp vốn, giảm khoản phải thu.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụTư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt(AASCN) kiểm toán.

.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thúy Hằng	Lê Hồng Hạnh	Nguyễn Cẩm Trung

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2011